

Số: 60/2015/TT-BCA

Hà Nội, ngày 9 tháng 11 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định về tiêu chuẩn, định mức trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (sau đây viết gọn là Nghị định số 79/2014/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 106/2009/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2009 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị vũ trang nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 106/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2014 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Quyết định số 44/2012/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch và đầu tư và Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ,

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn, định mức trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về danh mục, tiêu chuẩn, định mức trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và đối tượng, nguyên tắc, kinh phí bảo đảm cho việc áp dụng tiêu chuẩn, định mức này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.
2. Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Cơ sở đào tạo, huấn luyện về phòng cháy và chữa cháy của Bộ Công an.

5. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

6. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc bảo đảm tiêu chuẩn, định mức trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức trang bị cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy

1. Tuân thủ quy định tại Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, đáp ứng yêu cầu về công tác và chiến đấu.

3. Bảo đảm phù hợp với điều kiện ngân sách của Nhà nước cấp cho Bộ Công an trong từng giai đoạn.

4. Bảo đảm tiết kiệm, hợp lý, đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn, đúng mục đích.

Điều 4. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy

1. Phương tiện phòng cháy và chữa cháy được quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP.

2. Phương tiện cứu nạn, cứu hộ được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 65/2013/TT-BCA ngày 26/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Quyết định số 44/2012/QĐ-TTg ngày 15/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.

3. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khác.

Điều 5. Danh mục tiêu chuẩn, định mức trang bị cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy

1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục tiêu chuẩn, định mức trang bị cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, cụ thể:

a) Danh mục tiêu chuẩn, định mức trang bị cho sĩ quan, hạ sĩ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Danh mục 1);

b) Danh mục tiêu chuẩn, định mức trang bị cho lái xe, thợ máy và chiến sĩ Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Danh mục 2);

c) Danh mục tiêu chuẩn, định mức trang bị cho Đội Cảnh sát chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Danh mục 3);

d) Danh mục tiêu chuẩn, định mức trang bị cho đơn vị Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Danh mục 4).

2. Các danh mục quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng thống nhất cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy. Trong trường hợp cần sửa đổi, bổ sung các danh mục này, căn cứ vào yêu cầu thực tế, Cục Kế hoạch và đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và các đơn vị có liên quan nghiên cứu, trình Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định.

Điều 6. Kinh phí bảo đảm cho việc áp dụng tiêu chuẩn, định mức trang bị cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy

Kinh phí bảo đảm cho việc áp dụng tiêu chuẩn, định mức trang bị cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Công an gồm: Nguồn kinh phí thường xuyên, chi đầu tư phát triển thuộc ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn thu từ bảo hiểm cháy, nổ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016. Các quy định trước đây của Bộ Công an về tiêu chuẩn, định mức trang bị cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

2. Đối với các đơn vị đã được trang bị theo tiêu chuẩn, định mức bằng hoặc cao hơn tiêu chuẩn, định mức quy định tại Thông tư này trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì vẫn tiếp tục sử dụng cho đến khi hết niên hạn sử dụng; trường hợp chưa được trang bị hoặc trang bị thấp hơn tiêu chuẩn, định mức quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo Thông tư này.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Kế hoạch và đầu tư chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo lãnh đạo Bộ Công an về việc thực hiện Thông tư này.

2. Cục Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và định kỳ báo cáo Bộ Công an việc thực hiện quy định về tài chính của Công an các đơn vị, địa phương khi tiến hành trang bị theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Thông tư này.

3. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức trang bị cho lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục Kế hoạch và đầu tư, Cục Tài chính, Công an, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, lập dự án đầu tư bảo đảm tiêu chuẩn, định mức trang bị phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu công tác của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.

4. Các Tổng cục trưởng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và đầu tư và Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) để kịp thời hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các Tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Công an, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo nội bộ;
- Lưu: VT, H43, C66.

BỘ TRƯỞNG



Trần Đại Quang

Đại tướng Trần Đại Quang

DANH MỤC 1

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ CHO SĨ QUAN, HẠ SĨ QUAN CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2015/TT-BCA ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Bộ Công an)

I. Sĩ quan, hạ sĩ quan công tác tại Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Stt	Danh mục trang bị	Đơn vị tính	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ													GHI CHÚ	
			Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ						Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương								
			Lãnh đạo cấp Cục	LĐ Phòng Công tác chữa cháy; Trung tâm ƯCKC PCCC và CNCH (bộ phận thực hiện nhiệm vụ chữa cháy)	LĐ Phòng Công tác CNCH; Trung tâm ƯCKC PCCC và CNCH (bộ phận thực hiện nhiệm vụ CNCH)	LĐP nghiệp vụ khác	Cán bộ Phòng Công tác chữa cháy; Sĩ quan nghiệp vụ của Trung tâm ƯCKC PCCC và CNCH (bộ phận thực hiện nhiệm vụ chữa cháy)	Cán bộ Phòng Công tác CNCH, Sĩ quan nghiệp vụ của Trung tâm ƯCKC PCCC và CNCH (bộ phận thực hiện nhiệm vụ CNCH)	Giám đốc, PGĐ Cảnh sát PCCC	LĐP HDCĐ về Chữa cháy	LĐP cứu nạn và cứu hộ	LĐP nghiệp vụ khác	Lãnh đạo Phòng Cảnh sát PCCC quận, huyện	Cán bộ kiểm tra	Cán bộ Phòng HDCĐ về CC		Cán bộ phòng HDCĐ về công tác cứu nạn, cứu hộ.
1	Bộ đàm cầm tay VHF/UHF	Chiếc	1	1	1	1			1	1	1	1					Hồng, thay thế
2	Quần áo chỉ huy chữa cháy	Bộ	1 bộ/3 năm	1 bộ/2 năm		1 bộ/2 năm			1 bộ/2 năm	2 bộ/2 năm		1 bộ/2 năm	2 bộ/2 năm				Hồng, thay thế
3	Quần áo chữa cháy	Bộ					2 bộ/2 năm							1 bộ/2 năm	2 bộ/2 năm		Hồng, thay thế
4	Ủng chữa cháy	Đôi	1 đôi/3 năm	1 đôi/2 năm		1 đôi/3 năm	1 đôi/2 năm		1 đôi/2 năm	1 đôi/2 năm		1 đôi/3 năm	1 đôi/2 năm	1 đôi/2 năm	1 đôi/2 năm		Hồng, thay thế
5	Giày chữa cháy	Đôi	1 đôi/3 năm	1 đôi/2 năm		1 đôi/3 năm	1 đôi/2 năm		1 đôi/2 năm	1 đôi/2 năm		1 đôi/3 năm	1 đôi/2 năm	1 đôi/2 năm	1 đôi/2 năm		Hồng, thay thế

Stt	Danh mục trang bị	Đơn vị tính	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ													GHI CHÚ	
			Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ						Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương								
			Lãnh đạo cấp Cục	LĐ Phòng Công tác chữa cháy; Trung tâm ỨCKC PCCC và CNCH (bộ phận thực hiện nhiệm vụ chữa cháy)	LĐ Phòng Công tác CNCH; Trung tâm ỨCKC PCCC và CNCH (bộ phận thực hiện nhiệm vụ CNCH)	LĐP nghiệp vụ khác	Cán bộ Phòng Công tác chữa cháy; Sĩ quan nghiệp vụ của Trung tâm ỨCKC PCCC và CNCH (bộ phận thực hiện nhiệm vụ chữa cháy)	Cán bộ Phòng Công tác CNCH, Sĩ quan nghiệp vụ của Trung tâm ỨCKC PCCC và CNCH (bộ phận thực hiện nhiệm vụ CNCH)	Giám đốc, PGĐ Cảnh sát PCCC	LĐP HDCĐ về Chữa cháy	LĐP cứu nạn và cứu hộ	LĐP nghiệp vụ khác	Lãnh đạo Phòng Cảnh sát PCCC quận, huyện	Cán bộ kiểm tra	Cán bộ Phòng HDCĐ về CC		Cán bộ phòng HDCĐ về công tác cứu nạn, cứu hộ.
6	Găng tay chữa cháy	Đôi	1 đôi/ 2 năm	1 đôi/ 2 năm		1 đôi/ 2 năm	1 đôi/ 2 năm		1 đôi/ 2 năm	1 đôi/ 2 năm		1 đôi/ 2 năm	2 đôi/ năm	1 đôi/ năm	1 đôi/ năm		Hồng, thay thế
7	Khẩu trang chữa cháy	Chiếc	1 chiếc/ năm	2 chiếc/ năm		1 chiếc/ năm	2 chiếc/ năm		2 chiếc/ năm	2 chiếc/ năm		1 chiếc/ năm	2 chiếc/ năm	2 chiếc/ năm	2 chiếc/ năm		Hồng, thay thế
8	Mũ chỉ huy chữa cháy	Chiếc	1 chiếc/ 3 năm	1 chiếc/ 3 năm		1 chiếc/ 3 năm			1 chiếc/ 3 năm	1 chiếc/ 3 năm		1 chiếc/ 3 năm					Hồng, thay thế
9	Mũ chữa cháy	Chiếc					1 chiếc/ 3 năm						1 chiếc/ 3 năm	1 chiếc/3 năm	1 chiếc/ 3 năm		Hồng, thay thế
10	Thắt lưng chữa cháy	Chiếc	1 chiếc/ 3 năm	1 chiếc/ 3 năm		1 chiếc/ 3 năm	1 chiếc/ 3 năm		1 chiếc/ 3 năm	1 chiếc/ 3 năm		1 chiếc/ 3 năm	1 chiếc/ 2 năm	1 chiếc/ 3 năm	1 chiếc/ 2 năm		Hồng, thay thế
11	Kính mắt chuyên dụng chữa cháy	Chiếc	1 chiếc/ 2 năm	1 chiếc/ 2 năm		1 chiếc/ năm	1 chiếc/ 2 năm		1 chiếc/ năm	1 chiếc/ năm		1 chiếc/ năm	2 chiếc/ 2 năm	1 chiếc/ năm	1 chiếc/ năm		Hồng, thay thế




Stt	Danh mục trang bị	Đơn vị tính	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ													GHI CHÚ	
			Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ					Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương									
			Lãnh đạo cấp Cục	LD Phòng Công tác chữa cháy; Trung tâm ƯCKC PCCC và CNCH (bộ phận thực hiện nhiệm vụ chữa cháy)	LD Phòng Công tác CNCH; Trung tâm ƯCKC PCCC và CNCH (bộ phận thực hiện nhiệm vụ CNCH)	LDP nghiệp vụ khác	Cán bộ Phòng Công tác chữa cháy; Sĩ quan nghiệp vụ của Trung tâm ƯCKC PCCC và CNCH (bộ phận thực hiện nhiệm vụ chữa cháy)	Cán bộ Phòng Công tác CNCH, Sĩ quan nghiệp vụ của Trung tâm ƯCKC PCCC và CNCH (bộ phận thực hiện nhiệm vụ CNCH)	Giám đốc, PGĐ Cảnh sát PCCC	LDP HDCĐ về Chữa cháy	LDP cứu nạn và cứu hộ	LDP nghiệp vụ khác	Lãnh đạo Phòng Cảnh sát PCCC quận, huyện	Cán bộ kiểm tra	Cán bộ Phòng HDCĐ về CC		Cán bộ phòng HDCĐ về công tác cứu nạn, cứu hộ.
12	Quần áo cứu hộ	Bộ	1 bộ/ 3 năm		1 bộ/ 2 năm			2 bộ/2 năm	1 bộ/ 2 năm		2 bộ/ 2 năm		1 bộ/ 2 năm			2 bộ/ năm	- Chỉ trang bị cho cán bộ, chiến sỹ làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ; - Hông, thay thế.
13	Giày cứu hộ	Đôi	1 đôi/ 3 năm		1 đôi/ 2 năm			1 đôi/2 năm	1 đôi/ 2 năm		1 đôi/ 2 năm		1 đôi/ 3 năm			1 đôi/ 2 năm	
14	Mũ cứu hộ	Chiếc	1 chiếc/ 3 năm		1 chiếc/ 3 năm			1 chiếc/ 3 năm	1 chiếc/ 3 năm		1 chiếc/ 3 năm		1 đôi/ 2 năm			1 chiếc/ 3 năm	
15	Ủng cứu hộ	Đôi	1 đôi/ 3 năm		1 đôi/ 2 năm			1 đôi/ 2 năm	1 đôi/ 2 năm		1 đôi/ 2 năm		1 đôi/ năm			1 đôi/ 2 năm	
16	Găng tay cứu hộ	Đôi	1 đôi/ 2 năm		1 đôi/ 2 năm			1 đôi/ 2 năm	1 đôi/ 2 năm		1 đôi/ năm		1 đôi/ 3 năm			1 đôi/ năm	
17	Thắt lưng cứu hộ	Chiếc	1 chiếc/ 3 năm		1 chiếc/ 3 năm			1 chiếc/ 3 năm	1 chiếc/ 3 năm		1 chiếc/ 3 năm		1 chiếc/ năm			1 chiếc/ 3 năm	
18	Kính mắt chuyên dụng cứu	Chiếc	1 chiếc/ 2 năm		1 chiếc/ năm			1 chiếc/ năm	1 chiếc/ năm		1 chiếc/ năm		2 chiếc/ năm			1 chiếc/ năm	
19	Khẩu trang cứu hộ	Chiếc	1 chiếc/ năm		2 chiếc/ năm			2 chiếc/ năm	2 chiếc/ năm		2 chiếc/ năm		2 chiếc/ năm			2 chiếc/ năm	
20	Quần áo luyện tập	Bộ					2 bộ/năm	2 bộ/ năm							2 bộ/ năm	2 bộ/ năm	Hông, thay thế

II. Sĩ quan, hạ sĩ quan công tác tại Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cơ sở đào tạo, huấn luyện về PCCC và CNCH

Stt	Danh mục trang bị	Đơn vị tính	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ										GHI CHÚ
			Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy ▼ và cứu nạn, cứu hộ (thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)						Cơ sở đào tạo, huấn luyện về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Trường Đại học PCCC, Trung tâm huấn luyện, đào tạo trực thuộc Cục Cảnh sát PCCC và CNCH, Cảnh sát PCCC các tỉnh, thành phố trực thuộc TU)				
			Lãnh đạo cấp Phòng	LĐ đội Kiểm tra; các đội nghiệp vụ khác	LĐ đội Chữa cháy, CNCH	Cán bộ kiểm tra	Cán bộ huấn luyện	Tiểu đội trưởng, Tiểu đội phó	Giáo viên chuyên ngành PCCC	Học viên chuyên ngành PCCC	Giáo viên chuyên ngành CNCH	Học viên chuyên ngành CNCH	
1	Bộ đàm cầm tay VHF/UHF	Chiếc	1	1	1								Hồng, thay thế
2	Quần áo chỉ huy chữa cháy	Bộ	2 bộ/2 năm	1 bộ/ năm	2 bộ/2 năm			3 bộ/ 2 năm	2 bộ/ 3 năm				Hồng, thay thế
3	Quần áo chữa cháy	Bộ				1 bộ/2 năm	2 bộ/2 năm			2 bộ/ khóa học			Hồng, thay thế
4	Ủng chữa cháy	Đôi	1 đôi/ 2 năm	1 đôi/2 năm	1 đôi/ năm	1 đôi/2 năm	1 đôi/2 năm	1 đôi/ năm	1 đôi/3 năm	1 đôi/ khóa học			Hồng, thay thế
5	Giày chữa cháy	Đôi	1 đôi/2 năm	1 đôi/ 2 năm	1 đôi/2 năm	1 đôi/2 năm	1 đôi/2 năm	1 đôi/2 năm	1 đôi/3 năm				Hồng, thay thế
6	Găng tay chữa cháy	Đôi	2 đôi/ năm	1 đôi/ năm	2 đôi/ năm	1 đôi/ năm	2 đôi/ năm	2 đôi/ năm	1 đôi/năm	1 đôi/ khóa học			Hồng, thay thế
7	Khẩu trang chữa cháy	Chiếc	2chiếc/năm	1chiếc/ năm	2chiếc/ năm	1chiếc/ năm	2 chiếc/năm	2 chiếc/năm	2 chiếc/năm	2 chiếc/ khóa học			Hồng, thay thế
8	Mũ chỉ huy chữa cháy	Chiếc	1chiếc/3 năm	1chiếc/3năm	1chiếc/2 năm				1 chiếc/3năm				Hồng, thay thế
9	Mũ chữa cháy	Chiếc				1chiếc/3 năm	1chiếc/2 năm	1chiếc/2năm		1 chiếc/ khóa học			Hồng, thay thế
10	Thắt lưng chữa cháy	Chiếc	1chiếc/2năm	1chiếc/3năm	1chiếc/2 năm	1chiếc/3 năm	1chiếc/2 năm	1chiếc/2 năm	1 chiếc/3năm	1 chiếc/ khóa học			Hồng, thay thế

han

lu

Stt	Danh mục trang bị	Đơn vị tính	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ										GHI CHÚ
			Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)					Cơ sở đào tạo, huấn luyện về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Trường Đại học PCCC, Trung tâm huấn luyện, đào tạo trực thuộc Cục Cảnh sát PCCC và CNCH, Cảnh sát PCCC các tỉnh, thành phố trực thuộc TU)					
			Lãnh đạo cấp Phòng	LĐ đội Kiểm tra; các đội nghiệp vụ khác	LĐ đội Chữa cháy, CNCH	Cán bộ kiểm tra	Cán bộ huấn luyện	Tiểu đội trưởng, Tiểu đội phó	Giáo viên chuyên ngành PCCC	Học viên chuyên ngành PCCC	Giáo viên chuyên ngành CNCH	Học viên chuyên ngành CNCH	
11	Kính mắt chuyên dụng chữa cháy	Chiếc	1chiếc/ năm	1chiếc/ năm	1chiếc/ năm	1chiếc/ năm	1 chiếc/ năm	1 chiếc/ năm	1 chiếc/ năm	1 chiếc/năm	1 chiếc/ khóa học		Hồng, thay thế
12	Quần áo cứu hộ	Bộ	2 bộ/ 2 năm		3 bộ/ 2 năm		2 bộ/ năm	3 bộ/2 năm			2 bộ/ năm	2 bộ/ khóa học	- Chi trang bị cho cán bộ, chiến sỹ làm nhiệm vụ cứu nạn, cứu hộ; -Hồng, thay thế.
13	Giày cứu hộ	Đôi	1 đôi/ 2 năm		1 đôi/ 2 năm		1 đôi/2 năm	1 đôi/ 2 năm			1 đôi/2 năm	1 đôi/ khóa học	
14	Mũ cứu hộ	Chiếc	1chiếc/3 năm		1chiếc/2 năm		1chiếc/2 năm	1chiếc/2 năm			1 chiếc/3năm	1 chiếc/ khóa học	
15	Ủng cứu hộ	Đôi	1 đôi/ 2 năm		1 đôi/ 2 năm		1 đôi/2 năm	1 đôi/2 năm			1 đôi/2năm	1 đôi/ khóa học	
16	Găng tay cứu hộ	Đôi	1 đôi/ năm		2 đôi/ năm		2 đôi/ năm	2 đôi/ năm			1 đôi/năm	2 đôi/ khóa học	
17	Thắt lưng cứu hộ	Chiếc	1chiếc/3 năm		1chiếc/2 năm		1chiếc/2 năm	1chiếc/2 năm			1chiếc/2 năm	1chiếc/ khóa học	
18	Kính mắt chuyên dụng cứu hộ	Chiếc	1chiếc/ năm		1chiếc/ năm		1 chiếc/ năm	1 chiếc/ năm			1 chiếc/2năm	1chiếc/ khóa học	
19	Khẩu trang cứu hộ	Chiếc	2 chiếc/năm		4chiếc/ năm		2 chiếc/ năm	4 chiếc/ năm			2 chiếc/năm	2chiếc/ khóa học	

Stt	Danh mục trang bị	Đơn vị tính	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ										GHI CHÚ	
			Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)					Cơ sở đào tạo, huấn luyện về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Trường Đại học PCCC, Trung tâm huấn luyện, đào tạo trực thuộc Cục Cảnh sát PCCC và CNCH, Cảnh sát PCCC các tỉnh, thành phố trực thuộc TU)						
			Lãnh đạo cấp Phòng	LĐ đội Kiểm tra; các đội nghiệp vụ khác	LĐ đội Chữa cháy, CNCH	Cán bộ kiểm tra	Cán bộ huấn luyện	Tiểu đội trưởng, Tiểu đội phó	Giáo viên chuyên ngành PCCC	Học viên chuyên ngành PCCC	Giáo viên chuyên ngành CNCH	Học viên chuyên ngành CNCH		
20	Quần áo luyện tập	Bộ	2 bộ/ năm		2 bộ/ năm			2 bộ/ năm	2 bộ/ năm	1 bộ/ năm	2 bộ/ khóa học	2 bộ/năm	2 bộ/ khóa học	Hồng, thay thế

Ghi chú:

- Số lượng dự phòng cho từng loại phương tiện quy định tại phụ lục này không quá 20% tổng số lượng trang bị để thay thế số hư hỏng và trang cấp cho cá nhân được huy động tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ các vụ cháy, cứu nạn cứu hộ lớn, được bảo quản tại Kho của đơn vị và quản lý, cấp phát theo quy định.
- Định mức trang bị cho cá nhân thuộc Phòng Cảnh sát PCCC quận, huyện áp dụng như định mức quy định cho cá nhân thuộc Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an các tỉnh, thành phố.
- Niên hạn sử dụng: trong trường hợp nhà sản xuất quy định niên hạn sử dụng khác quy định tại biểu định mức thì áp dụng theo quy định của nhà sản xuất.
- Đối với các địa phương phía Bắc: trang bị bổ sung quần áo chữa cháy, cứu hộ có khả năng chống nước để phục vụ chữa cháy trong mùa đông.

Handwritten signature

Handwritten mark

DANH MỤC 2

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ CHO LÁI XE, THỢ MÁY, CHIẾN SĨ CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2015/TT-BCA, ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Bộ Công an)

S TT	DANH MỤC TRANG BỊ	ĐƠN VỊ TỈNH	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ						GHI CHÚ
			Chiến sĩ chữa cháy	Chiến sĩ cứu hộ	Lái xe chữa cháy	Lái xe cứu hộ	Thợ máy	Lái tàu	
1	Quần áo chữa cháy	Bộ	3 bộ/2 năm		2 bộ/2 năm		1 bộ/2 năm	1 bộ/2 năm	Hông, thay thế
2	Ủng chữa cháy	Đôi	1 đôi/2 năm		1 đôi/2 năm		1 đôi/2 năm	1 đôi/2 năm	Hông, thay thế
3	Găng tay chữa cháy	Đôi	2 đôi/năm		2 đôi/năm			1 đôi/năm	Hông, thay thế
4	Găng tay bảo hộ	Đôi			2 đôi/năm	2 đôi/năm	2 đôi/năm	2 đôi/năm	Hông, thay thế
5	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ			1 bộ/năm	1 bộ/năm	1 bộ/năm	1 bộ/năm	Hông, thay thế
6	Khẩu trang chữa cháy	Chiếc	4 chiếc/năm		4 chiếc/năm				Hông, thay thế
7	Khẩu trang bảo hộ	Chiếc					> 2 chiếc/ năm	2 chiếc/năm	Hông, thay thế
8	Mũ chữa cháy	Chiếc	1 chiếc/2 năm		1 chiếc/2 năm			1 chiếc/3 năm	Hông, thay thế
9	Thắt lưng chữa cháy	Chiếc	1 chiếc/2 năm		1 chiếc/2 năm		1 chiếc/2 năm	1 chiếc/2 năm	Hông, thay thế
10	Mũ vải chống nóng	Chiếc	2 chiếc/năm		2 chiếc/năm			2 chiếc/năm	Hông, thay thế
11	Kính mắt chuyên dụng	Chiếc	1 chiếc/năm		1 chiếc/năm				Hông, thay thế
12	Kính mắt bảo hộ	Chiếc					1 chiếc/2 năm	1 chiếc/2 năm	Hông, thay thế
13	Quần áo luyện tập	Bộ	2 bộ/năm	2 bộ/năm	2 bộ/năm	2 bộ/năm		2 bộ/năm	Hông, thay thế
14	Quần áo cứu hộ	Bộ		3 bộ/2 năm		3 bộ/2 năm			Hông, thay thế
15	Giày cứu hộ	Đôi		1 đôi/2 năm		1 đôi/3 năm			Hông, thay thế
16	Ủng cứu hộ	Đôi		1 đôi/2 năm		1 đôi/2 năm			Hông, thay thế

Handwritten signatures and marks at the bottom right of the page.

S TT	DANH MỤC TRANG BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ					GHI CHÚ
			Chiến sĩ chữa cháy	Chiến sĩ cứu hộ	Lái xe chữa cháy	Lái xe cứu hộ	Thợ máy	
17	Mũ cứu hộ	Chiếc		1 chiếc/2 năm		1 chiếc/3 năm		Hỏng, thay thế
18	Khẩu trang cứu hộ	Chiếc		4 chiếc/năm		4 chiếc/năm		Hỏng, thay thế
19	Găng tay cứu hộ	Đôi		2 đôi/năm		2 đôi/năm		Hỏng, thay thế
20	Thắt lưng cứu hộ	Chiếc		1 chiếc/2 năm		1 chiếc/2 năm		Hỏng, thay thế
21	Kính mắt cứu hộ	Chiếc		2 chiếc/năm		2 chiếc/năm		Hỏng, thay thế

Ghi chú:

- Số lượng dự phòng cho từng loại phương tiện quy định tại phụ lục này không quá 20% tổng số lượng trang bị để thay thế số hư hỏng và trang cấp cho cá nhân được huy động tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ các vụ cháy, cứu nạn cứu hộ lớn, được bảo quản tại Kho của đơn vị và quản lý, cấp phát theo quy định.
- Đối với các địa phương phía Bắc: trang bị bổ sung quần áo chữa cháy, cứu hộ có khả năng chống nước để phục vụ chữa cháy trong mùa đông.
- Niên hạn sử dụng: trong trường hợp nhà sản xuất quy định niên hạn sử dụng khác quy định tại biểu định mức thì áp dụng theo quy định của nhà sản xuất.

Handwritten signature

DANH MỤC 3

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ CHO ĐỘI CẢNH SÁT CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2015/TT-BCA ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Bộ Công an)

S TT	DANH MỤC TRANG BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ				NIÊN HẠN SỬ DỤNG (năm)	GHI CHÚ	
			Đội Cảnh sát chữa cháy trung tâm (T)	Đội Cảnh sát chữa cháy khu vực (K)	Đội CS chữa cháy trên sông, biển (S)				Đội Cảnh sát cứu nạn, cứu hộ (R)
					Trên biển (S ₁)	Trên sông (S ₂)			
A	Phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ giới								
I	Xe chữa cháy và chuyên dùng phục vụ chữa cháy								
1	Xe chữa cháy	Chiếc	5	2 - 4	2	2		15	
2	Xe chỉ huy chữa cháy, CNCH	Chiếc	1	1	1	1	1	15	
3	Xe cứu hộ	Chiếc	1	1			2 - 3	15	Trang bị 1 xe/đội Trung tâm, đội khu vực, nếu đội đó phải đảm nhận thực hiện cả nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.
4	Xe cứu thương	Chiếc	1	1			1 - 2	15	
5	Xe chở nước	Chiếc	1	1				15	
6	Xe trạm bơm	Chiếc	1	1chiếc/3 đội CC khu vực				15	
7	Xe thang chữa cháy (từ 32 m đến 52 m)	Chiếc	1	Trang bị 01 xe/đội, nếu địa bàn bảo vệ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau: có từ 10 nhà trở lên có độ cao từ 15 m trở lên, hoặc có từ 5 nhà trở lên có độ cao từ 25 m trở lên.				15	
8	Xe chở phương tiện chữa cháy	Chiếc	1	1				15	
9	Xe chở quân	Chiếc	1	1			1	15	
10	Xe máy xúc, máy đào đa năng	Chiếc					1	15	

Chu

Chu

S TT	DANH MỤC TRANG BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ				NIÊN HẠN SỬ DỤNG (năm)	GHI CHÚ	
			Đội Cảnh sát chữa cháy trung tâm (T)	Đội Cảnh sát chữa cháy khu vực (K)	Đội CS chữa cháy trên sông, biển (S)				Đội Cảnh sát cứu nạn, cứu hộ (R)
					Trên biển (S ₁)	Trên sông (S ₂)			
11	Xe chữa cháy hóa chất (chữa cháy bằng bột, bọt, khí)	Chiếc	Trang bị 1 chiếc/đội phụ trách địa bàn có tổng kho xăng dầu lớn (kho xăng dầu cấp I, có dung tích chứa từ 50.000 m ³ trở lên); có cảng xuất nhập, chung chuyên dầu mỏ và các sản phẩm dầu mỏ lớn; kho, cảng khí đốt hóa lỏng, kho hóa chất, hoặc các cơ sở sản xuất hóa chất có trữ lượng lớn.					15	- Giảm 01 xe chữa cháy của Đội Chữa cháy được trang bị xe chữa cháy hóa chất. - Sử dụng chung 01 xe đầu kéo.
12	Xe chuyên dụng cứu hộ cứu nạn với các trang thiết bị có thể hoạt động trong môi trường nhiễm NBC (Hạt nhân - Sinh học - Hóa học)	Chiếc					Trang bị 01 chiếc/đội, nếu địa bàn bảo vệ có cơ sở hạt nhân, hoặc có khu công nghiệp quy mô lớn có các cơ sở sản xuất liên quan đến hóa chất, chế biến dầu khí, quặng....	15	
13	Xe chở và nạp bình khí thở; xe vùi chữa cháy	Chiếc	1chiếc/3 đội chữa cháy					15	Sử dụng chung 01 xe đầu kéo
14	Xe tiếp nhiên liệu	Chiếc	1xe/20 xe chữa cháy, xe chuyên dùng					15	
II	Mô tô chữa cháy, cứu hộ								
1	Mô tô chữa cháy, cứu hộ	Chiếc	2	2			2	10	
2	Mô tô cứu thương	Chiếc	1	1			2	10	Trang bị 1 chiếc/đội Trung tâm, đội khu vực, nếu đội đó phải đảm nhận thực hiện cả nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.
III	Máy bơm chữa cháy								
1	Máy bơm chữa cháy	Chiếc	2	2	2	2		10	Chỉ trang bị 01 chiếc/đội cho các đội chữa cháy đóng tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

S TT	DANH MỤC TRANG BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ				NIÊN HẠN SỬ DỤNG (năm)	GHI CHÚ	
			Đội Cảnh sát chữa cháy trung tâm (T)	Đội Cảnh sát chữa cháy khu vực (K)	Đội CS chữa cháy trên sông, biển (S)				Đội Cảnh sát cứu nạn, cứu hộ (R)
					Trên biển (S ₁)	Trên sông (S ₂)			
2	Máy bơm nổi	Chiếc	4	4	4	4	10	Chỉ trang bị cho các đội chữa cháy của 13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh, thành phố có hệ thống giao thông đường thủy nội địa theo quy định tại Thông tư số 23/2011/TT-BGTV ngày 31/3/2011 của Bộ Giao thông vận tải	
IV	Tàu, xuồng chữa cháy								
1	Tàu chữa cháy trên biển	Chiếc			1 - 2			15	Số lượng, chủng loại tàu trang bị phụ thuộc tính chất của địa bàn bảo vệ và theo Thiết kế kỹ thuật - Dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm triển khai
2	Tàu chữa cháy trên sông	Chiếc			1 - 2	2		15	
4	Xuồng cứu hộ	Chiếc			2	2	1 - 2	10	Chỉ trang bị 01 chiếc/đội cho các đội CNCH dưới nước.
5	Cano chữa cháy	Chiếc	Trang bị cho các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, mỗi đội 02 cano chữa cháy		2 - 4	2 - 3		15	
B	Phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thông dụng								
I	Các loại vòi, ống hút chữa cháy								
1	Vòi chữa cháy Ø51 (bao gồm đầu nối)	Cuộn	90	72	Áp dụng quy định của nhà sản xuất loại tàu, cano chữa cháy được trang bị.			5	
2	Vòi chữa cháy Ø66 (bao gồm đầu nối)	Cuộn	45	36				5	
3	Vòi chữa cháy Ø77 (bao gồm đầu nối)	Cuộn	30	24				5	
4	Vòi chữa cháy Ø120 - Ø150 hoặc lớn hơn	Mét	Áp dụng quy định của nhà sản xuất xe trạm bơm được trang bị.					5	

Chu *Chu*

S TT	DANH MỤC TRANG BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ				NIÊN HẠN SỬ DỤNG (năm)	GHI CHÚ	
			Đội Cảnh sát chữa cháy trung tâm (T)	Đội Cảnh sát chữa cháy khu vực (K)	Đội CS chữa cháy trên sông, biển (S)				Đội Cảnh sát cứu nạn, cứu hộ (R)
					Trên biển (S ₁)	Trên sông (S ₂)			
5	Vòi hút xe chữa cháy (bao gồm đầu nối, giỏ lọc)	Chiếc	30	24	24	24		5	
6	Vòi hút máy bơm chữa cháy khiêng tay (bao gồm đầu nối, giỏ lọc).	Chiếc	18	18	18	18		5	
7	Thiết bị bảo vệ đường vòi (cầu bảo vệ vòi qua đường; vớ vòi; móc treo vòi, kẹp thay vòi,...)	Bộ	20	15	10	10		5	
II	Các loại lăng chữa cháy								
1	Lăng A	Chiếc	20	16	Áp dụng quy định của nhà sản xuất loại tàu, cano chữa cháy được trang bị.			5	
2	Lăng B	Chiếc	30	24				5	
3	Lăng giá di động	Chiếc	8	6				5	
4	Lăng phun bột	Chiếc	15	12				5	
III	Đầu nối, ba chạc, hai chạc chữa cháy, Ezector								
1	Đầu nối hỗn hợp Ø51/66	Chiếc	15	12	Áp dụng quy định của nhà sản xuất loại tàu, cano chữa cháy được trang bị.			5	
2	Đầu nối hỗn hợp Ø51/77	Chiếc	15	12				5	
3	Đầu nối hỗn hợp Ø77/66	Chiếc	15	12				5	
4	Hai chạc	Chiếc	8	6				5	
5	Ba chạc	Chiếc	15	12				5	
6	Ezector hút nước	Chiếc	8	6	Áp dụng quy định của nhà sản xuất loại tàu, cano chữa cháy được trang bị.			5	
7	Ezector hút bột (gồm Tuy ô hút bột)	Chiếc	8	6				5	
9	Chìa khoá vòi hút, phun	Chiếc	15	12				5	
IV	Bình chữa cháy								
1	Bình khí chữa cháy	Chiếc	50	50	50	50		2	

S TT	DANH MỤC TRANG BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ				NIÊN HẠN SỬ DỤNG (năm)	GHI CHÚ	
			Đội Cảnh sát chữa cháy trung tâm (T)	Đội Cảnh sát chữa cháy khu vực (K)	Đội CS chữa cháy trên sông, biển (S)				Đội Cảnh sát cứu nạn, cứu hộ (R)
					Trên biển (S ₁)	Trên sông (S ₂)			
2	Bình bột chữa cháy	Chiếc	50	50	50	50		2	
C	Chất chữa cháy								
1	Chất tạo bọt chữa cháy	Lít	1.000	1.000	1.000	1.000		3	
D	Thiết bị bảo hộ cá nhân								
1	Quần áo cách nhiệt	Bộ	20	18	15	12	5	5	
2	Găng tay cách điện	Đôi	30	24	30	24	5	5	
3	Ủng cách điện	Đôi	30	24	30	24	5	5	
4	Mặt nạ phòng độc cách ly	Bộ	30	24	30	24	30	5	
E	Phương tiện cứu người								
1	Đệm cứu người	Bộ	1	1			2	5	
2	Ống tụt cứu người	Bộ	1	1			2	5	
3	Thang chữa cháy, cứu nạn (thang ba, thang móc, thang hộp,...)	Bộ	10	8	5	5	8	5	
4	Thiết bị cảm biến âm thanh tìm kiếm người bị nạn	Bộ	1	1			2	5	
5	Thiết bị cảm biến sử dụng sóng Radio tìm kiếm người bị nạn	Bộ	1	1			2	5	Trang bị 1 bộ/đội Trung tâm, đội khu vực, nếu đội đó phải đảm nhận thực hiện cả nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.
6	Thiết bị camera dò tìm người bị nạn	Bộ	1	1	2	1	2	5	
7	Đai cứu hộ	Bộ	10	10			15	3	

S TT	DANH MỤC TRANG BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ				NIÊN HẠN SỬ DỤNG (năm)	GHI CHÚ	
			Đội Cảnh sát chữa cháy trung tâm (T)	Đội Cảnh sát chữa cháy khu vực (K)	Đội CS chữa cháy trên sông, biển (S)				Đội Cảnh sát cứu nạn, cứu hộ (R)
					Trên biển (S ₁)	Trên sông (S ₂)			
8	Bộ phương tiện, thiết bị phục vụ cứu hộ trên cao (dây, khóa móc, thang, cột chống, băng ca,...).	Bộ	3	2			5	5	
9	Trang thiết bị cá nhân phục vụ cứu hộ dưới nước (quần áo, mũ, giày, găng tay, đèn pin, dao,...)	Bộ	5	3	10	5	10	5	Trang bị cho đội Trung tâm, đội khu vực, nếu đội đó phải đảm nhận thực hiện cả nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.
10	Bộ phương tiện, thiết bị phục vụ cứu hộ trong không gian hạn chế (dây, khóa móc, kiềng chống 3 chân, ròng rọc,...)	Bộ	3	2			5	5	
11	Bộ thiết bị lặn	Bộ			10	5	5 - 10	5	
12	Bộ phương tiện, thiết bị phục vụ cứu hộ sự cố hóa chất, phóng xạ (trang phục chống độc, chống phóng xạ; thiết bị xử lý hóa chất, phóng xạ,...)	Bộ	3	2			5 - 10	5	Trang bị cho đội Trung tâm, đội khu vực, nếu đội đó phải đảm nhận thực hiện cả nhiệm vụ tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.
13	Hệ thống đèn chiếu sáng di động (có máy phát điện)	Bộ	3	2	2	1	3	5	
14	Thiết bị phục vụ sơ cấp cứu người bị nạn	Bộ	10	10	10	10	10	3	
15	Tấm lưới phục vụ cứu người (vật liệu sợi, kích thước 5x5m)	Bộ					10	3	Phục vụ cứu hộ tại các công trình cao tầng.
F	Thiết bị, công cụ phá dỡ, hút khói								
1	Thiết bị phanh cắt, phá dỡ thủy lực, búa, rìu, kìm cộng lực,...	Bộ	3	2	1	1	5	5	
2	Cửa máy	Chiếc	3	2			5	5	Trang bị bổ sung 10 cửa máy cho các địa phương vùng ven biển có nhiều bão (phân vùng bão số 1, II theo phân vùng của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

S TT	DANH MỤC TRANG BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ				NIÊN HẠN SỬ DỤNG (năm)	GHI CHÚ	
			Đội Cảnh sát chữa cháy trung tâm (T)	Đội Cảnh sát chữa cháy khu vực (K)	Đội CS chữa cháy trên sông, biển (S)				Đội Cảnh sát cứu nạn, cứu hộ (R)
					Trên biển (S ₁)	Trên sông (S ₂)			
3	Máy cắt kim loại	Chiếc	2	1			5	5	
4	Máy khoan phá bê tông	Chiếc	2	1			5	5	
5	Máy hút khói	Chiếc	2	2			2	5	
6	Quạt thổi khói	Chiếc	1	1			1	5	
7	Máy cắt bê tông	Chiếc	2	1			2	5	
8	Máy bán đĩnh	Chiếc					2	5	
9	Máy khoan, cắt dưới nước	Chiếc			1	1	1	5	
10	Máy hàn, cắt chuyên dụng	Chiếc	1	1			2	5	
G	Thiết bị, dụng cụ thông tin liên lạc, chỉ huy chữa cháy								
I	Thiết bị thông tin liên lạc								
1	Bộ đàm cầm tay VHF/UHF	Chiếc	30	20	30	20	20	5	Trang bị bộ đàm VHF hay UHF tùy thuộc địa bàn bảo vệ và do người có thẩm quyền đầu tư quyết định.
2	Bộ đàm công suất lớn di động VHF/UHF	Chiếc	8	5	5	5	5	5	
3	Bộ đàm công suất lớn cố định VHF/UHF	Chiếc	1	1	1	1	1	5	
4	Bộ chuyển tiếp sóng	Chiếc	Trang bị đủ số lượng để đảm bảo phủ sóng toàn bộ địa bàn bảo vệ				5		
5	Thiết bị liên kết đa mạng	Chiếc	Trang bị đủ số lượng để kết nối các hệ thống thông tin liên lạc được đầu tư				5		
6	Cột ăng ten	Chiếc	Trang bị đủ số lượng để đảm bảo phủ sóng toàn bộ địa bàn bảo vệ				10		
7	Loa pin	Bộ	5	5	5	5	5	5	

S TT	DANH MỤC TRANG BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ				ĐỘI CẢNH SÁT CỨU NẠN, CỨU HỘ (R)	NIÊN HẠN SỬ DỤNG (năm)	GHI CHÚ
			Đội Cảnh sát chữa cháy trung tâm (T)	Đội Cảnh sát chữa cháy khu vực (K)	Đội CS chữa cháy trên sông, biển (S)				
					Trên biển (S ₁)	Trên sông (S ₂)			
8	Điện thoại cố định tiếp nhận thông tin báo cháy, cứu nạn, cứu hộ	Chiếc	4	2	2	2	4	3	
9	Máy phát điện dự phòng	Chiếc	1	1	1	1	1	5	
10	Hệ thống thông tin chỉ huy điều hành công tác PCCC và cứu nạn cứu hộ (bao gồm hệ thống máy chủ, máy trạm; thiết bị phục vụ ghi âm, tiếp nhận thông tin báo cháy; hệ thống bản đồ số chuyên ngành PCCC; thiết bị kết nối mạng; hệ thống đường truyền dữ liệu; thiết bị bảo mật; thiết bị định vị GPS; các phần mềm chuyên dụng và các thiết bị khác có liên quan).	Hệ thống			1			5	Cấp trung ương: kết nối với toàn bộ Trung tâm chỉ huy PCCC của các tỉnh, thành phố; và các trung tâm chỉ huy của các Bộ, ngành khác có liên quan.
II	Dụng cụ liên lạc, chỉ huy								
1	Bàn chỉ huy	Bộ	3	2	2	2	3	3	
2	Cờ chỉ huy	Chiếc	20	15	15	15	20	2	
3	Băng chỉ huy	Chiếc	20	15	15	15	20	2	
4	Lều bạt chỉ huy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ	Bộ	3	2	2	2	3	3	
5	Lều bạt cho chiến sĩ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ	Bộ	5	3	3	3	5	3	
H	Trang thiết bị, dụng cụ huấn luyện và các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ phục vụ công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khác								
1	Bộ thiết bị tập thể lực (tạ, xà đơn, xà kép, máy chạy bộ, thang trượt, máy đạp xe, thiết bị tập cơ bụng,...)	Bộ	1	1	1	1	1	5	

S TT	DANH MỤC TRANG BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ				NIÊN HẠN SỬ DỤNG (năm)	GHI CHÚ	
			Đội Cảnh sát chữa cháy trung tâm (T)	Đội Cảnh sát chữa cháy khu vực (K)	Đội CS chữa cháy trên sông, biển (S)				Đội Cảnh sát cứu nạn, cứu hộ (R)
					Trên biển (S ₁)	Trên sông (S ₂)			
2	Dụng cụ phục vụ huấn luyện thể thao nghiệp vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (gồm: cọc lửa, còi, chân đập lửa, hộp tiêu điểm, đồng hồ bấm giây, khay xăng, máy tạo khói, mô hình cửa chốt, cầu độc mộc, hình nộm người bị nạn, rào điện kinh, sa bàn học phương án, súng phát lệnh, thùng phuy, tường 2 m, vòng lửa....)	Bộ	2	1	1	1	2	5	
3	Mô hình học tập kỹ, chiến thuật chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (chữa cháy gas; chữa cháy trong điều kiện có khói, khí độc; cứu hộ dưới nước; chữa cháy, cứu hộ trên cao; mô hình cứu hộ trong không gia hạn chế,...).	HT	1	1	1	1	1	7	Chỉ trang bị cho các đơn vị đáp ứng yêu cầu về cơ sở hạ tầng phù hợp với từng loại mô hình học tập (ví dụ: sân tập, tháp tập,...)
4	Thiết bị đo khoảng cách bằng tia hồng ngoại	Bộ	1	1	1	1	1	5	
5	Máy đo độ phóng xạ	Chiếc	1	1	1	1	1	5	
6	Thiết bị đo nồng độ khí độc	Chiếc	1	1	1	1	1	5	
7	Thiết bị đo nhiệt độ từ xa	Bộ	1	1	1	1	1	5	
8	Đèn pin	Bộ	15	10	10	10	15	3	
9	Camera quan sát đám cháy	Chiếc	1	1	1	1		5	
10	Thiết bị phục vụ học tập Phương án chữa cháy (máy chiếu, máy tính xách tay, loa pin sử dụng micro không dây)	Bộ	1	1	1	1	1	5	
11	Thiết bị ghi hình, ghi âm (máy quay, máy ảnh, máy in ảnh, máy ghi âm,...)	Bộ	1	1	1	1	1	5	

S TT	DANH MỤC TRANG BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ					NIÊN HẠN SỬ DỤNG (năm)	GHI CHÚ
			Đội Cảnh sát chữa cháy trung tâm (T)	Đội Cảnh sát chữa cháy khu vực (K)	Đội CS chữa cháy trên sông, biển (S)		Đội Cảnh sát cứu nạn, cứu hộ (R)		
					Trên biển (S ₁)	Trên sông (S ₂)			
12	Máy nén khí cho mặt nạ và các thiết bị thủy lực	Chiếc	2	1	1	1	2	5	
13	Máy buộc vòi	Chiếc	1	1	1	1		5	
14	Máy giặt vòi, giá phơi vòi	Bộ	1	1	1	1		5	
15	Thiết bị kiểm tra mặt nạ	Bộ	3	2	2	2	3	5	
16	Bể chứa nước chữa cháy di động	Bộ	5	3				5	
17	Trang thiết bị khoanh vùng khu vực cháy, cứu nạn, cứu hộ (Rào chắn bảo vệ, biển cấm vào, dây băng phản quang...)	Bộ	10	5	5	5	10	2	
18	Thiết bị đánh dấu hoá chất	Bộ					1	5	
19	Thiết bị phóng dây, phao cứu sinh tự bơm + bình khí	Bộ			1	1	1	5	Trang bị cho bộ phận cứu nạn, cứu hộ dưới nước.
20	Bộ dây nổi	Bộ			1	1	1	5	
21	Phao quây dầu tràn	Bộ			1	1	1	3	
22	Phao tròn cứu sinh	Bộ	10	10	50	50	20	3	
23	Áo phao dùng cho Cảnh sát PCCC&CNCH	Bộ	10	10	50	50	20	3	Trang bị cho bộ phận cứu nạn, cứu hộ dưới nước.
24	Bộ thả neo đánh dấu	Bộ			5	5	5	5	
25	Thiết bị báo hiệu vùng cấm (trên mặt nước)	Bộ			5	5	5	5	




S TT	DANH MỤC TRANG BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ				NIÊN HẠN SỬ DỤNG (năm)	GHI CHÚ	
			Đội Cảnh sát chữa cháy trung tâm (T)	Đội Cảnh sát chữa cháy khu vực (K)	Đội CS chữa cháy trên sông, biển (S)				Đội Cảnh sát cứu nạn, cứu hộ (R)
					Trên biển (S ₁)	Trên sông (S ₂)			
26	Thiết bị, phương tiện phục vụ bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện PCCC và CNCH (kích nâng, cầu nâng, bơm dầu, mỡ, máy ra vào lốp tự động, bộ dụng cụ đồ nghề chuyên dùng cho sửa chữa động cơ, máy bơm nước rửa phương tiện,...)	Bộ	1	1	1	1	10	Chỉ trang bị cho các đơn vị đáp ứng yêu cầu về cơ sở hạ tầng phù hợp với từng loại mô hình trung tâm, trạm bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện.	
27	Máy nạp điện ắc quy	Bộ	1	1	1	1	5		
27	Thiết bị bơm lốp xe	Bộ	1	1	1	1	5		

Ghi chú:

- Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định chủng loại, thông số kỹ thuật chi tiết của từng loại phương tiện, thiết bị đảm bảo phù hợp với tính chất sử dụng, đặc thù của từng vùng, miền và từng đối tượng trang bị.
- Niên hạn sử dụng: trong trường hợp nhà sản xuất quy định niên hạn sử dụng khác quy định tại biểu định mức thì áp dụng theo quy định của nhà sản xuất.

Handwritten signature

Handwritten mark

DANH MỤC 4

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ CHO ĐƠN VỊ CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 60/2015/TT-BCA ngày 09 tháng 11 năm 2015 của Bộ Công an)

S TT	DANH MỤC TRANG BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ			NIÊN HẠN SỬ DỤNG (năm)	GHI CHÚ
			Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy địa phương	Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		
1	Phương tiện, thiết bị kiểm tra an toàn PCCC						
1	Am pe kim đo điện	Chiếc	2	2/Đội Kiểm tra	2/Đội Kiểm tra	5	Trang bị cho Phòng Công tác phòng cháy trực thuộc Cục Cảnh sát PCCC& CNCH và Đội Kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy trực thuộc: - Phòng Hướng dẫn chỉ đạo về phòng cháy trực thuộc Cảnh sát PCCC tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Phòng Cảnh sát PCCC quận, huyện trực thuộc Cảnh sát PCCC tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Phòng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trực thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
2	Đồng hồ đo điện vạn năng	Chiếc	2	2/Đội Kiểm tra	2/Đội Kiểm tra	5	
3	Thiết bị đo khoảng cách bằng tia hồng ngoại	Bộ	1	1/Đội Kiểm tra	1/Đội Kiểm tra	5	
4	Máy đo độ phóng xạ	Chiếc	1	1/Đội Kiểm tra	1/Đội Kiểm tra	5	
5	Thiết bị đo áp suất (chất lỏng, chất khí)	Bộ	1	1/Đội Kiểm tra	1/Đội Kiểm tra	5	
6	Thiết bị đo điện trở cách điện (đồng hồ MΩ)	Bộ	1	1/Đội Kiểm tra	1/Đội Kiểm tra	5	
7	Thiết bị đo điện trở hệ thống chống sét	Bộ		2/Đội Kiểm tra	2/Đội Kiểm tra	5	
8	Thiết bị đo độ ẩm không khí, tốc độ gió, nhiệt độ	Bộ	1	2/Đội Kiểm tra	2/Đội Kiểm tra	5	
9	Thiết bị đo nồng độ khí nguy hiểm cháy, nổ	Chiếc	1	2/Đội Kiểm tra	2/Đội Kiểm tra	5	
10	Thiết bị đo mức chất lỏng trong bình	Bộ	1	2/Đội Kiểm tra	2/Đội Kiểm tra	5	
11	Thiết bị đo nhiệt độ từ xa	Bộ	1	2/Đội Kiểm tra	2/Đội Kiểm tra	5	
12	Thiết bị đo nồng độ bụi	Bộ	1	2/Đội Kiểm tra	2/Đội Kiểm tra	5	
13	Thiết bị kiểm tra độ dày đường ống	Bộ	1	2/Đội Kiểm tra	2/Đội Kiểm tra	5	
14	Thiết bị đo lưu lượng chất lỏng (đo xác định thông số vận tốc, áp lực dòng chảy)	Bộ	1	2/Đội Kiểm tra	2/Đội Kiểm tra	5	
15	Thiết bị thử, kiểm tra đầu báo cháy (khí, khói, nhiệt, lửa,...)	Bộ	1	2/Đội Kiểm tra	2/Đội Kiểm tra	5	
16	Ống nhôm	Chiếc	1	2/Đội Kiểm tra	2/Đội Kiểm tra	3	
17	La bàn	Chiếc	1	2/Đội Kiểm tra	2/Đội Kiểm tra	2	
18	Thiết bị ghi hình (máy quay, máy ảnh, máy in ảnh,...)	Bộ	1	2/Đội Kiểm tra	2/Đội Kiểm tra	5	
19	Thiết bị ghi âm (máy ghi âm, micro,...)	Bộ	1	2/Đội Kiểm tra	2/Đội Kiểm tra	5	
20	Bộ đàm cầm tay VHF/UHF	Chiếc	5	2/Đội Kiểm tra	2/Đội Kiểm tra	5	
21	Loa pin	Chiếc	2	2/Đội Kiểm tra	2/Đội Kiểm tra	5	

S TT	DANH MỤC TRANG BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ			NIÊN HẠN SỬ DỤNG (năm)	GHI CHÚ
			Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy địa phương	Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		
II	Phương tiện, thiết bị phục vụ công tác thẩm duyệt về PCCC						
1	Am pe kim đo điện	Chiếc	2	2/Đội, Tổ	Đã trang bị cho Đội Kiểm tra an toàn PCCC	5	Trang bị cho các đơn vị sau: - Phòng Thẩm duyệt về PCCC trực thuộc Cục Cảnh sát PCCC& CNCH; - Đội hoặc Tổ Thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy trực thuộc: Phòng Hướng dẫn chỉ đạo về phòng cháy trực thuộc Cảnh sát PCCC tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Cảnh sát PCCC quận, huyện trực thuộc Cảnh sát PCCC tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nếu được phân cấp thực hiện chức năng thẩm duyệt);
2	Thiết bị đo lưu lượng khí	Bộ	1	1/Đội, Tổ		5	
3	Thiết bị đo khoảng cách	Bộ	1	1/Đội, Tổ		5	
4	Đồng hồ đo nhiệt độ cảm biến hiển thị số	Chiếc	1	1/Đội, Tổ		5	
5	Thiết bị đo áp suất (chất lỏng, chất khí)	Bộ	1	1/Đội, Tổ		5	
6	Thiết bị đo điện trở cách điện (đồng hồ MΩ)	Bộ	1	1/Đội, Tổ		5	
7	Thiết bị đo nồng độ khí nguy hiểm cháy, nổ	Chiếc	1	1/Đội, Tổ		5	
8	Thiết bị đo lưu lượng chất lỏng (đo xác định thông số vận tốc, áp lực dòng chảy)	Bộ	1	1/Đội, Tổ		5	
9	Thiết bị kiểm tra áp lực bình khí nén	Bộ	1	1/Đội, Tổ		5	
10	Thiết bị kiểm tra độ dày đường ống	Bộ	1	1/Đội, Tổ		5	
11	Thiết bị thử, kiểm tra đầu báo cháy (khí, khói, nhiệt, lửa,...)	Bộ	1	1/Đội, Tổ		5	
12	Ống nhôm	Chiếc	1	1/Đội, Tổ		3	
13	La bàn	Chiếc	1	1/Đội, Tổ		2	
14	Cân trọng lượng hiển thị số (0 ÷ 100 Kg)	Chiếc	1	1/Đội, Tổ		5	
15	Thiết bị ghi hình (máy quay, máy ảnh, máy in ảnh,...)	Bộ	1	1/Đội, Tổ		5	
16	Thiết bị ghi âm (máy ghi âm, micro,...)	Bộ	1	1/Đội, Tổ		5	
17	Bộ đàm cầm tay VHF/UHF	Chiếc	3	3/Đội, Tổ		5	

S TT	DANH MỤC TRANG BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ			NIÊN HẠN SỬ DỤNG (năm)	GHI CHÚ
			Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy địa phương	Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		
III	Phương tiện, thiết bị phục vụ công tác kiểm định phương tiện PCCC và CNCH						
1	Am pe kim đo điện	Chiếc	2	2	Không có chức năng kiểm định phương tiện PCCC và CNCH	5	Trang bị cho Phòng NCKH-CN và Kiểm định phương tiện PCCC, CNCH trực thuộc Cục Cảnh sát PCCC& CNCH; Bộ phận kiểm định phương tiện PCCC & CNCH trực thuộc Cảnh sát PCCC tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nếu được phân cấp thực hiện chức năng kiểm định phương tiện PCCC và CNCH) và Trường Đại học PCCC.
2	Thiết bị đo lưu lượng khí	Bộ	1	1		5	
3	Thiết bị đo khoảng cách	Bộ	1	1		5	
4	Đồng hồ đo nhiệt độ cảm biến hiển thị số	Chiếc	1	1		5	
5	Thiết bị đo áp suất (chất lỏng, chất khí)	Bộ	1	1		5	
6	Thiết bị đo điện trở cách điện (đồng hồ MΩ)	Bộ	1	1		5	
7	Thiết bị đo mức chất lỏng trong bình	Bộ	1	1		5	
8	Thiết bị xác định độ nở của bột	Bộ	1	1		5	
9	Thiết bị đo tốc độ vòng quay động cơ	Bộ	1	1		5	
10	Thiết bị đo lưu lượng chất lỏng (đo xác định thông số vận tốc, áp lực dòng chảy)	Bộ	1	1		5	
11	Thiết bị kiểm tra áp lực bình khí nén	Bộ	1	1		5	
12	Thiết bị kiểm tra độ dày đường ống	Bộ	1	1		5	
13	Thiết bị thử, kiểm tra đầu báo cháy (khí, khói, nhiệt, lửa,...)	Bộ	1	1		5	
14	Ống nhôm	Chiếc	1	1		3	
15	La bàn	Chiếc	1	1		2	
16	Cân trọng lượng hiển thị số (0 + 100 Kg)	Chiếc	1	1		5	
17	Thiết bị ghi hình (máy quay, máy ảnh, máy in ảnh,...)	Bộ	1	1		5	
18	Thiết bị ghi âm (máy ghi âm, micro,..)	Bộ	1	1		5	
19	Bộ đàm cầm tay VHF/UHF	Chiếc	3	3		5	

Chữ ký

S TT	DANH MỤC TRANG BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ			NIÊN HẠN SỬ DỤNG (năm)	GHI CHÚ
			Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy địa phương	Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		
V	Phương tiện, thiết bị phục vụ công tác điều tra, xử lý về cháy, nổ						
1	Xe khám nghiệm hiện trường cháy, nổ	Chiếc	1	1/Phòng	1/Phòng	10	Trang bị cho các đơn vị sau: Phòng Điều tra - xử lý về cháy, nổ trực thuộc Cục Cảnh sát PCCC& CNCH; Phòng Pháp chế và Điều tra xử lý về cháy nổ thuộc Cảnh sát PCCC tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH thuộc Công an tỉnh, thành phố; Đội Kiểm tra an toàn PCCC thuộc Phòng Cảnh sát PCCC quận huyện (có chức năng điều tra khám nghiệm hiện trường), Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
2	Valy khám nghiệm hiện trường	Chiếc	5	3/Đội	3/Đội	5	
3	Am pe kim đo điện	Chiếc	2	2/Phòng	Đã trang bị cho Đội Kiểm tra an toàn PCCC	5	
4	Quần, áo, mũ, ủng, giày, găng tay, mặt nạ, khẩu trang phục vụ khám nghiệm hiện trường.	Bộ	5	5/Phòng		Hồng, thay thế	
5	Thiết bị đo khoảng cách bằng tia hồng ngoại	Bộ	1	1/Phòng		5	
6	Thiết bị đo điện trở cách điện (đồng hồ MΩ)	Bộ	1	1/Phòng		5	
7	Thiết bị đo độ ẩm không khí	Bộ	1	1/Phòng		5	
8	Thiết bị đo nồng độ khí nguy hiểm cháy, nổ	Chiếc	1	1/Phòng		5	
9	Thiết bị đo mức chất lỏng trong bình	Bộ	1	1/Phòng		5	
10	Thiết bị đo nhiệt độ	Bộ	1	1/Phòng		5	
11	Thiết bị đo nồng độ bụi	Bộ	1	1/Phòng		5	
12	Cân trọng lượng hiển thị số (0 + 100 Kg)	Chiếc	1	1/Phòng		5	
13	Thiết bị ghi hình, ghi âm (máy quay, máy ảnh, máy ghi âm, máy in ảnh,...)	Bộ	1	1/Phòng	5		
14	Bộ đàm cầm tay VHF/UHF	Chiếc	3	3/Phòng	5		
VI	Phương tiện, thiết bị phục vụ công tác tuyên truyền xây dựng phong trào quần chúng PCCC						
1	Xe chuyên dụng phục vụ công tác tuyên truyền	Chiếc	1	1/Phòng	1/Phòng	10	Trang bị cho các đơn vị sau: Phòng Tuyên truyền và XDPT TD PCCC thuộc Cục Cảnh sát PCCC& CNCH; Đội Tuyên truyền xây dựng phong trào quần chúng về PCCC thuộc Phòng Hướng dẫn chỉ đạo về phòng cháy - Cảnh sát PCCC tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
2	Hệ thống phục vụ quản trị và biên tập Website tuyên truyền về PCCC và CNCNH.	Hệ thống	1	1/Địa phương		5	
3	Thiết bị dựng phim chuyên dụng	Bộ	1	1/Phòng		5	
4	Thiết bị quay phim chuyên dụng	Bộ	1	1/Phòng		5	
5	Máy ảnh chuyên dụng (bao gồm cả ống Tele)	Bộ	2	2/Phòng		5	
6	Thiết bị phục vụ công tác tuyên truyền PCCC (máy tính xách tay, máy chiếu, màn chiếu di động, loa, micro,...)	Bộ	2	2/Phòng	2	3	
7	Thiết bị ghi hình (máy quay, máy ảnh, máy in ảnh,...)	Bộ	2	2/Đội	Đã trang bị cho Đội Kiểm tra an toàn PCCC	5	
8	Thiết bị ghi âm (máy ghi âm, micro,...)	Bộ	2	2/Đội		5	

Uu *Uu*

S TT	DANH MỤC TRANG BỊ	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐỐI TƯỢNG, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ			NIÊN HẠN SỬ DỤNG (năm)	GHI CHÚ
			Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ	Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy địa phương	Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		
VII	Phương tiện, thiết bị phục vụ công tác bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ						
1	Xe chuyên dụng phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện	Chiếc	1	1/Phòng	1/Phòng	10	Trang bị cho các đơn vị sau: Phòng Quản lý phương tiện thuộc Cục Cảnh sát PCCC & CNCH; Phòng Hậu cần và Trang bị kỹ thuật trực thuộc Cảnh sát PCCC tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Đội Hậu cần và Trang bị kỹ thuật trực thuộc Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an các tỉnh, thành phố; Phòng Cảnh sát PCCC quận, huyện.
2	Thiết bị đo tốc độ vòng quay động cơ	Bộ	1	1/Phòng	1/Phòng	5	
3	Thiết bị, phương tiện phục vụ bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện PCCC và CNCH (kích nâng, cầu nâng, bơm dầu, mỡ, máy ra vào lốp tự động, bộ dụng cụ đồ nghề chuyên dùng cho sửa chữa động cơ, máy bơm nước rửa phương tiện,...)	Bộ	1	1/Đội	1/Đội	10	
4	Thiết bị ghi hình (máy quay, máy ảnh, máy in ảnh,...)	Bộ	1	1/Đội	1/Đội	5	
VIII	Phương tiện, thiết bị phục vụ công tác nghiên cứu khoa học PCCC và CNCH		Trang bị theo dự án xây dựng Phòng Thí nghiệm về PCCC và CNCH				
IX	Máy bay chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ						
1	Máy bay trực thăng chữa cháy, cứu hộ	Chiếc	1-2 chiếc/Trung tâm ƯCKC PCCC và CNCH Quốc gia.	1-2 chiếc/địa phương đô thị loại đặc biệt		15	Chỉ trang bị khi đảm bảo các điều kiện về nguồn nhân lực (phi công, đội ngũ kỹ thuật viên phục vụ), cơ sở hạ tầng phục vụ bay và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư.
2	Máy bay chữa cháy	Chiếc	1-2 chiếc/Trung tâm ƯCKCPCCC và CNCH Quốc gia.	1-2 chiếc/địa phương đô thị loại đặc biệt		15	

Ghi chú:

Niên hạn sử dụng: trong trường hợp nhà sản xuất quy định niên hạn sử dụng khác quy định tại biểu định mức thì áp dụng theo quy định của nhà sản xuất.

lee
llat